

Số: /GPMT-STN&MT Hà Nam, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam: số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam; số 49/2024/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 về việc sửa đổi điểm d, khoản 1, Điều 2; điểm a, khoản 2, Điều 3; điểm a, khoản 1, Điều 4, Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét văn bản số 01/CV-MS ngày 10/01/2025 của Công ty TNHH Aiko Việt Nam v/v giải trình, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng Trường phổ thông tư thục liên cấp Mensa” tại phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Aiko Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại TDP Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng Trường phổ thông tư thục liên cấp

Mensa” tại phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng Trường phổ thông tư thục liên cấp Mensa.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0700756874 đăng ký lần đầu ngày 24/6/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13/12/2023. Nơi cấp Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700756874.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Công trình giáo dục.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích của dự án: 8.167 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số seri DL 752397 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam cấp ngày 16/8/2023).

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất hoạt động của dự án: tổng số người là 940 người, bao gồm:

+ Số học sinh: 820 học sinh các cấp (học sinh Mầm non, cấp Tiểu học, cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông).

+ Số cán bộ giáo viên, nhân viên: 120 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Aiko Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

(Từ ngày tháng năm 2025 đến ngày tháng năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- UBND thành phố Phủ Lý;
- UBND phường Liêm Chính;
- Công ty TNHH Aiko Việt Nam (để thực hiện);
- TT TTDL&PTQĐ (đăng web);
- Lưu: VT, MT, HS.

GIÁM ĐỐC

Phạm Chí Thống

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Bể tự hoại khu nhà A.
- Nguồn số 02: Bể tự hoại khu nhà B.
- Nguồn số 03: Bể tự hoại khu nhà C.
- Nguồn số 04: Bể tách dầu mỡ khu vực nhà ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của của Tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý tại 01 vị trí (ga G2-4) phía Bắc dự án gần cống phụ + lối vào xe đưa đón.

2.2. Vị trí xả nước thải

Tọa độ vị trí xả thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0) như sau: X = 2271775; Y = 598349.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $50 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (24 giờ), trong đó:

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT - cột A, K = 1,0 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt xả ra nguồn tiếp nhận dùng cho mục đích sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/L	30		
3	TSS	mg/L	50		
4	TDS	mg/L	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	30		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	6		
11	Coliform	MPN/100 mL	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01, 02, 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - cột A, K = 1,0 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt xả ra nguồn tiếp nhận dùng cho mục đích sinh hoạt, sau đó ra hệ thống thoát nước chung của của Tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý.

- Nguồn số 04: Nước thải từ khu vực bếp ăn được thu gom qua bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - cột A, K = 1,0 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt xả ra nguồn tiếp nhận dùng cho mục đích sinh hoạt, sau đó ra hệ thống thoát nước chung của của Tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Nước thải → Hồ gom nước thải → Ngăn điều hòa → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng → Ngăn trung chuyển → Cột lọc áp lực → Máy khử trùng Ozone → Hồ ga thoát nước thải sau xử lý → Xả ra môi trường tiếp nhận (*hệ thống thoát nước chung của của Tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý*).

- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: không sử dụng hóa chất.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng.

- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố như: tắc vỡ đường ống, rò rỉ bể xử lý, hỏng bơm và các thiết bị xử lý.

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải.

- Có nhật ký vận hành đầy đủ của hệ thống để kịp thời phát hiện nguyên nhân khi xảy ra sự cố.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ, luân chuyển trong các bể của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp thời gian khắc phục sự cố kéo dài Công ty sẽ thuê đơn vị có năng lực đến thu gom nước thải mang đi xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải có công suất 50 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm.

- Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm.

+ Điểm 1: Nước thải tại hố ga thu gom nước thải.

Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°): X(m) = 2271775; Y(m) = 598349.

+ Điểm 2: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải.

Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°): X (m) = 2271775; Y (m) = 598349.

- Thông số lấy mẫu: pH, BOD, TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliforms.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A, k = 1,0).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường

3.2. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi

trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2025
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Hoạt động của máy bơm nước sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Hoạt động của máy bơm từ hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Hoạt động của máy hút mùi nhà bếp.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0) như sau:

- Nguồn số 01: X=2271780, Y=598631.
- Nguồn số 02: X=2271780, Y=598631.
- Nguồn số 03: X=2271747, Y=598328.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Khối lượng, chủng loại chất thải chất thải nguy hại khoảng:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)	Mã CTNH
1	Nước thải phòng thí nghiệm	Lỏng	270	19 12 03
2	Hóa chất phòng thí nghiệm hết hạn	Rắn/Lỏng	10	19 05 03
3	Vỏ thùng, hộp đựng hóa chất	Rắn	25	18 01 09
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	20	16 01 12
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	15	16 01 14
	Tổng	-	340	

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 582,8 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Tại các thùng chứa.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho chất thải nguy hại: 2,5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nhà kho có kết cấu sàn bảo đảm kín khít, kết cấu khung thép, được bao quanh bằng tôn. Trong mỗi kho bố trí 05 thùng chứa CTNH có nắp đậy, bao gồm: 01 thùng phuy nhựa có nắp đậy kín đựng nước thải từ quá trình thực hành thí nghiệm có dung tích 220 lít và 04 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy dung tích 60 lít đựng các loại chất thải còn lại. Ngoài cửa kho có biển hiệu cảnh báo CTNH, kho bố trí các thiết bị phòng cháy chữa cháy như: bình phòng cháy chữa cháy, 01 thùng chứa cát và xèng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy dung tích 20-60lít và 240 lít để thu gom chất thải sinh hoạt tại các điểm phát sinh và điểm tập kết trước khi có đơn vị thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2.2.2. Diêm thu gom, tập kết:

- Bố trí các thùng chứa có nắp đậy dung tích 20-60 lít tại các phòng học của học sinh, nhà thi đấu và nhà ăn, văn phòng làm việc của cán bộ giáo viên...và 02 thùng rác có nắp đậy dung tích 240 lít/thùng tại khu vực tập kết chất thải sinh hoạt (khu vực công phụ của trường).

- Tần suất thu gom tối thiểu 2 ngày/lần để đảm bảo vệ sinh và tránh tình trạng quá tải.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ. Đảm bảo đủ diện tích cây xanh theo quy định.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Chủ dự án chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu trong báo cáo đề xuất cấp phép.

8. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn./.